

Số: 61/2019/QĐST-HNGĐ

N, ngày 21 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973.

Cư trú tại: Xóm 3A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Xóm 3A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 01/01/1997 đã đủ tuổi trưởng thành, vì vậy không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/11/2005 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành; anh Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Hữu S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nuôi con, nếu bên phải thi hành án mà không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 4.475.000đ (Bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002206 ngày 22/4/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 4.175.000đ (Bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Chi Cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Huy Mạnh